

## GIẢI PHÁP TIÊU THỤ GỖ NGUYÊN LIỆU CÓ CHỨNG CHỈ RỪNG CỦA NHÓM HỘ GIA ĐÌNH TẠI TUYỀN QUANG

Hoàng Liên Sơn<sup>1</sup>, Nguyễn Thị Minh Hiền<sup>2</sup>, Vũ Duy Hưng<sup>1</sup>,  
Nguyễn Gia Kiên<sup>1</sup>, Phạm Thị Luyện<sup>1</sup>, Nguyễn Thị Thu Hà<sup>1</sup>,  
Đỗ Huy Dũng<sup>1</sup>, Trần Thanh Cao<sup>3</sup>

<sup>1</sup> Trung tâm Nghiên cứu Kinh tế Lâm nghiệp - Viện KHLNVN

<sup>2</sup> Học viện Nông nghiệp Việt Nam

<sup>3</sup> Viện Khoa học Lâm nghiệp Nam Bộ - Viện KHLNVN

**Từ khóa:** Kênh tiêu thụ,  
gỗ nguyên liệu FSC,  
hộ gia đình

### TÓM TẮT

Nhu cầu tiêu thụ gỗ nguyên liệu có chứng chỉ rừng được đánh giá là ngày một tăng cao, nhưng diện tích rừng trồng gỗ nguyên liệu có chứng chỉ rừng không tăng tương ứng. Kết quả nghiên cứu chỉ rõ, hiệu quả kinh tế rừng trồng của hộ gia đình (HGĐ) có chứng chỉ FSC tại Tuyen Quang luôn cao hơn rừng trồng không có chứng chỉ. Kênh tiêu thụ gỗ rừng trồng có chứng chỉ rừng với sự tham gia của các doanh nghiệp đã tăng tỷ lệ gỗ có chứng chỉ được bán với giá cao, mang lại lợi ích cho các bên liên quan. Tuy nhiên, sự phát triển rừng trồng có chứng chỉ phụ thuộc vào thị trường và sự mất cân đối cung cầu gỗ nguyên liệu có chứng chỉ dễ xảy ra bởi việc áp dụng một chu kỳ đánh giá cấp chứng chỉ cho một chu kỳ kinh doanh rừng trồng. Từ đó, nghiên cứu đã đề xuất giải pháp tổ chức toàn diện cho kênh tiêu thụ gỗ nguyên liệu có chứng chỉ rừng, từ khâu tạo rừng đến chế biến và thương mại sản phẩm gỗ có chứng chỉ rừng, đồng thời ứng dụng công nghệ thông tin trong truy xuất nguồn gốc và bảo đảm gỗ hợp pháp/gỗ có chứng chỉ rừng.

### Forest-certified wood consumption solution of household group in Tuyen Quang

**Keyword:** Consumption  
channels, timber raw  
materials, FSC  
household

In Vietnam, the demand for certified raw timber materials is increasing, unlike the total area of certified forest plantations. The results of this study indicate that, in Tuyen Quang province, all economic efficiency indicators of households with forest certificate (FSC) are higher when compared to non-FSC households. Demand channels of FSC certified timber, which include enterprise participation, have increased the proportion of certified wood sold at premium prices, benefiting all stakeholders. However, the development of certified plantations is sensitive to the imbalance in supply and demand of FSC certified timber raw materials, which is in turn affected by the application of an FSC certification-assessment to a single plantation cycle. Therefore, the study proposes a solution to organize the demand channels of certified timber materials (from the forest plantation to the processing and trading of certified wood products), including the application of information technology in traceability and ensuring legal timber/forest-certified timber.

## I. MỞ ĐẦU

Tuyên Quang là một tỉnh vùng Đông Bắc rất có tiềm năng để thực hiện mục tiêu là hình mẫu về phát triển lâm nghiệp của cả nước. Tổng diện tích đất lâm nghiệp của Tuyên Quang là 448.579,61 ha, chiếm 76,4% diện tích tự nhiên, bao gồm: Rừng đặc dụng: 46.934,41 ha, chiếm 10,5%; rừng phòng hộ 121.627,06 ha, chiếm 27,1%; rừng sản xuất 280.018,14 ha, chiếm 62,4%. Trong đó, diện tích rừng trồng sản xuất là 149.213 ha, được đầu tư bởi các HGĐ cá nhân trên đất lâm nghiệp được giao và đất lâm nghiệp giao cho UBND xã quản lý, với diện tích tương ứng là 44.620,1 ha và 83.546 ha. Phần còn lại là rừng trồng gỗ nguyên liệu của các tổ chức khác là 21.047 ha (UBND tỉnh Tuyên Quang, 2021). Bên cạnh đó, Tuyên Quang có hệ thống các cơ sở chế biến gỗ hoạt động rất đa dạng, gồm: 79 doanh nghiệp; 16 hợp tác xã; và 236 hộ kinh doanh cá thể/xưởng xe/ván bóc. Nhu cầu sử dụng gỗ nguyên liệu theo công suất thiết kế của hệ thống này khoảng 2,2 triệu m<sup>3</sup>/năm (Chi cục Kiểm lâm tỉnh Tuyên Quang, 2020). Sự phát triển nhanh về số lượng, quy mô và hình thức hoạt động của các cơ sở chế biến gỗ đã làm tăng nhu cầu tiêu thụ gỗ nguyên liệu, trong điều kiện năng suất rừng trồng chưa có sự cải thiện mạnh mẽ (đạt khoảng 80 m<sup>3</sup>/ha/năm) và diện tích rừng trồng sản xuất không có khả năng mở rộng. Đặc biệt hệ thống tiêu thụ gỗ rừng trồng còn nhiều hạn chế, thiếu chuỗi cung ứng chính thức được hình thành giữa các tác nhân từ khâu trồng rừng đến khâu chế biến, thương mại sản phẩm gỗ. Việc mở rộng diện tích rừng trồng có chứng chỉ rừng, rừng trồng cung cấp gỗ lớn gặp nhiều trở ngại bởi sự cạnh tranh với thị trường gỗ nhỏ, chu kỳ kinh doanh ngắn và chuỗi cung ứng phi chính thức. Bên cạnh đó, một số mô hình chứng chỉ rừng theo

nhóm của các hộ gia đình liên kết với các doanh nghiệp chế biến gỗ tạo vùng nguyên liệu gỗ rừng trồng đã được hình thành nhưng thiếu sự bền vững. Do đó, nghiên cứu đã thực hiện khảo sát nghiên cứu thị trường tiêu thụ gỗ nguyên liệu và ứng dụng phương pháp phân tích hiệu quả kinh tế để làm rõ lợi thế chuỗi cung ứng tiêu thụ gỗ có chứng chỉ rừng. Kết quả nghiên cứu này là một phần của đề tài “*Nghiên cứu phát triển thị trường gỗ và sản phẩm gỗ nội địa phục vụ tái cơ cấu ngành Lâm nghiệp Việt Nam*”, làm cơ sở đề xuất giải pháp tổ chức kênh tiêu thụ gỗ có chứng chỉ rừng để nâng cao hiệu quả kinh doanh rừng trồng gỗ nguyên liệu.

## II. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

### ❖ Thu thập số liệu thứ cấp

Thu thập và nghiên cứu các tài liệu thứ cấp có liên quan như sách tham khảo, báo cáo dự án, đề tài nghiên cứu khoa học...

### ❖ Thu thập số liệu sơ cấp

Nghiên cứu đã sử dụng phương pháp phỏng vấn định hướng và bán định hướng điều tra khảo sát 2 nhóm đối tượng HGĐ trồng rừng, gồm: HGĐ trồng rừng có chứng chỉ FSC và HGĐ trồng rừng không có chứng chỉ FSC; Thương lái thu mua khai thác rừng trồng; Cơ sở chế biến; và Cán bộ phụ trách lĩnh vực lâm nghiệp cấp xã, huyện và tỉnh.

### ❖ Phân tích và xử lý số liệu

*Xử lý và phân tích số liệu thứ cấp:* Các số liệu thứ cấp được tổng hợp và phân tích tổng kết thực tiễn và làm rõ những nhận định về lợi thế của các hình thức tiêu thụ.

*Xử lý và phân tích số liệu sơ cấp:* Nghiên cứu tổng hợp kết quả khảo sát sơ cấp của các HGĐ, định lượng các chỉ tiêu kinh tế phản ánh

kết quả của các hình thức, gồm: Giá trị hiện tại thuần (NPV); Tỷ lệ thu nhập so với chi phí (BCR); Tỷ lệ hoàn vốn nội bộ (IRR); và Giá trị tương đương hằng năm (AEV) để so sánh hiệu quả giữa các hình thức tiêu thụ.

### III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

#### 3.1. Khái quát chung về rừng trồng gỗ nguyên liệu của hộ gia đình tỉnh Tuyên Quang

Rừng trồng gỗ nguyên liệu (GNL) trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang có thể chia thành 2 nhóm chính, gồm: (1) Rừng trồng gỗ nguyên liệu có chứng chỉ quản lý rừng bền vững FSC; và (2) Rừng trồng gỗ nguyên liệu không có chứng chỉ quản lý rừng bền vững. Trong giai đoạn 2016 - 2020, với sự nỗ lực của chính quyền địa

phương trong việc tạo lập vùng nguyên liệu có chất lượng cao, rừng trồng có chứng chỉ FSC và sự tham gia với vai trò “đầu tàu” tạo lập liên kết theo chuỗi giá trị của các doanh nghiệp chế biến gỗ, Tuyên Quang đã hình thành được vùng nguyên liệu gỗ rừng trồng được cấp chứng chỉ FSC, có diện tích 35.843,42 ha, chiếm 16,6% tổng diện tích rừng được cấp chứng chỉ FSC của cả nước. Trong đó, diện tích rừng có chứng chỉ FSC của các HGD là chủ đạo, có diện tích 20.609,03 ha, chiếm khoảng trên 45% tổng diện tích rừng được cấp chứng chỉ FSC cho nhóm hộ trên cả nước. Thông tin chi tiết về diện tích rừng trồng có chứng chỉ và không có chứng chỉ rừng của các HGD của tỉnh Tuyên Quang được tổng hợp tại bảng 1.

**Bảng 1.** Diện tích rừng trồng gỗ nguyên liệu của HGD

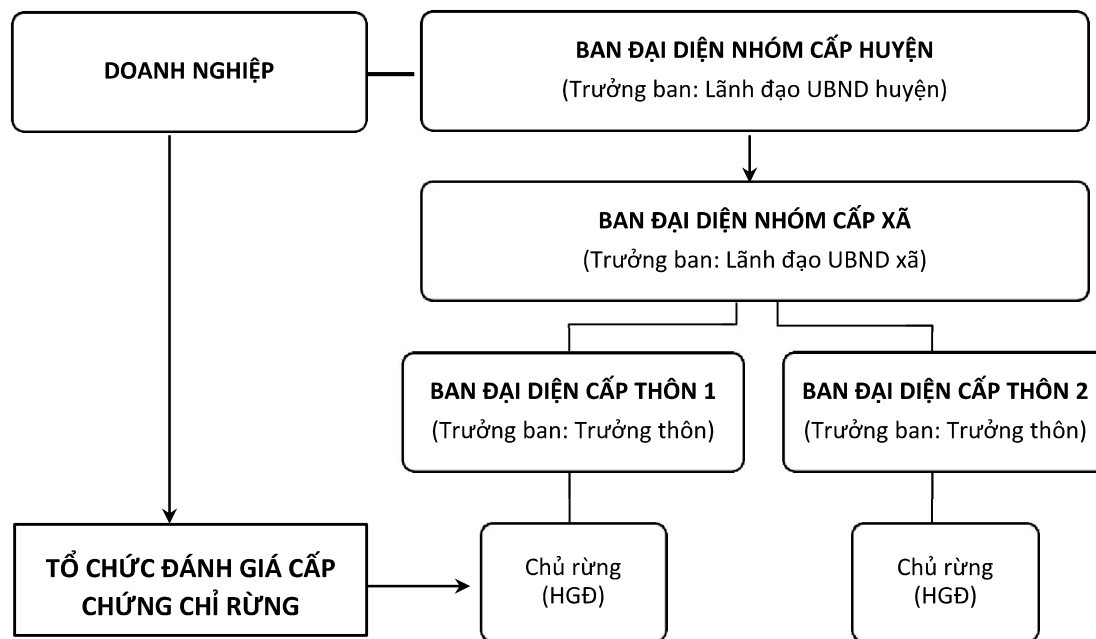
TT	Chỉ tiêu	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)
I	Tổng diện tích RTSX của HGD	44.620,10	100,00
1	Diện tích RTSX của HGD có chứng chỉ FSC	20.609,03	46,19
2	Diện tích RTSX của HGD không có chứng chỉ FSC	24.011,07	53,81

Nguồn: Chi cục Kiểm lâm Tuyên Quang (2021)

#### 3.2. Tổ chức vùng gỗ nguyên liệu có chứng chỉ rừng FSC

Diện tích rừng trồng gỗ nguyên liệu có chứng chỉ rừng FSC được hình thành dựa trên sự liên kết giữa các doanh nghiệp chế biến gỗ và Công ty Cổ phần Woodlands Tuyên Quang (gọi tắt là Công ty Woodlands) và Công ty TNHH Một thành viên An Việt Phát (gọi tắt là Công ty An Việt Phát) và các nhóm hộ trồng rừng tại huyện Yên Sơn. Đây là mô hình liên kết thực hiện chứng chỉ quản lý rừng bền vững FSC theo nhóm do các doanh nghiệp này là chủ thể sở hữu chứng chỉ được hình thành và cấp chứng chỉ rừng FSC trong

giai đoạn 2016 - 2019. Mô hình gồm 2 bên: (1) Bên thứ nhất: Doanh nghiệp là chủ thể sở hữu chứng chỉ, có tư cách pháp nhân, đầu tư chi phí cấp chứng chỉ rừng và bao tiêu toàn bộ sản lượng gỗ nguyên liệu cho chế biến đồ mộc xuất khẩu; (2) Bên thứ 2: Nhóm các chủ rừng nhỏ là hộ gia đình được thành lập nhóm HGD trồng rừng thông qua điều hành của chính quyền địa phương từ cấp huyện đến cấp xã và thôn/bản. Mỗi cấp hành chính thành lập Ban đại diện do lãnh đạo UBND ở mỗi cấp làm Trưởng ban. Sơ đồ 1 mô tả mô hình tổ chức chứng chỉ rừng FSC theo nhóm do doanh nghiệp là chủ thể sở hữu chứng chỉ.



(Nguồn: Trần Lâm Đồng 2021 và bổ sung, hoàn thiện bởi tác giả, 2022)

**Sơ đồ 1.** Cơ cấu tổ chức mô hình liên kết theo nhóm do doanh nghiệp là chủ thể sở hữu chứng chỉ rừng

Các nhóm chủ rừng hộ gia đình được thành lập thông qua sự vận động của hệ thống chính quyền từ cấp huyện đến cấp thôn/bản. Trách nhiệm thực hiện được giao cho các ban đại diện của từng cấp do UBND huyện thành lập.

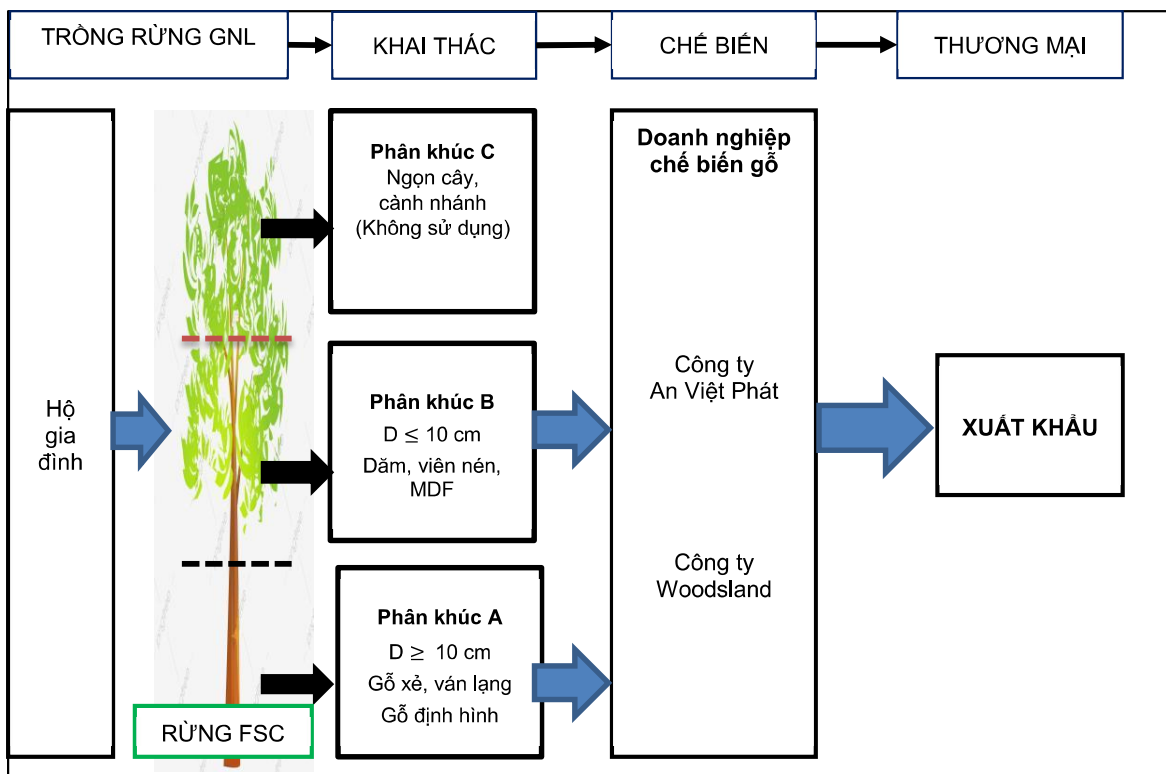
Doanh nghiệp không trực tiếp tham gia vào quá trình hình thành và quản lý nhóm, nhưng hỗ trợ kinh phí thực hiện đánh giá cấp chứng chỉ, chi trả dịch vụ kỹ thuật hướng dẫn trồng rừng theo tiêu chuẩn FSC cho chủ thể là nhóm HGD và là chủ thể sở hữu chứng chỉ rừng.

Như vậy, mô hình liên kết này gồm 2 nhóm chủ thể chính: (1) Nhóm HGD trồng rừng; (2) Doanh nghiệp chế biến gỗ. Trong khi, hệ thống chính quyền địa phương và tổ chức đánh giá cấp chứng chỉ rừng là những chủ thể hỗ trợ nhóm chủ rừng HGD thực hiện quản lý rừng bền vững và chứng chỉ rừng theo nhóm. Các chủ rừng là HGD sẽ cam kết thực hiện trồng,

chăm sóc và khai thác rừng gỗ nguyên liệu theo tiêu chuẩn quản lý rừng bền vững. Doanh nghiệp cam kết thu mua toàn bộ GNL có chứng chỉ FSC sau khai thác.

**3.3. Kênh tiêu thụ gỗ nguyên liệu có chứng chỉ rừng FSC**

Mô hình liên kết theo nhóm do doanh nghiệp là chủ thể sở hữu chứng chỉ rừng đã tạo ra kênh tiêu thụ gỗ nguyên liệu có chứng chỉ rừng FSC. Vùng gỗ nguyên liệu này được thiết lập theo 4 công đoạn: (1) Trồng rừng gỗ nguyên liệu; (2) Khai thác rừng gỗ nguyên liệu; (3) Chế biến; và (4) Thương mại gỗ và sản phẩm gỗ. Tương ứng với sự tham gia của 4 nhóm tác nhân: (1) Hộ gia đình; (2) Khai thác - Thương mại gỗ nguyên liệu; (3) Doanh nghiệp chế biến gỗ; (4) Thương mại sản phẩm gỗ xuất khẩu. Kênh tiêu thụ với sự tham gia của các doanh nghiệp chế biến được mô tả tại Sơ đồ 2.



Sơ đồ 2. Kênh tiêu thụ gỗ nguyên liệu có chứng chỉ rừng FSC

Kết quả khảo sát cho thấy mô hình này được chia thành 2 giai đoạn.

Giai đoạn đầu hình thành kênh tiêu thụ chỉ có một đơn vị tài trợ là Công ty Woodlands Tuyên Quang. Gỗ nguyên liệu sau khai thác từ rừng trồng của các HGD phải phân loại thành 2 loại, gồm: Gỗ lớn là nguyên liệu gỗ xẻ bán theo giá gỗ có chứng chỉ FSC; và gỗ nhỏ là nguyên liệu chế biến dăm được bán theo giá gỗ không có chứng chỉ FSC - chủ yếu phục vụ xuất khẩu dăm hoặc nguyên liệu chế biến giấy. Ở giai đoạn này, Công ty Woodlands Tuyên Quang chỉ có nhu cầu sử dụng gỗ lớn cho chế biến sản phẩm gỗ xuất khẩu.

Giai đoạn 2, bắt đầu từ năm 2019 đến nay, đã có thêm sự tham gia của Công ty An Việt Phát, toàn bộ gỗ lớn và gỗ nhỏ được thu mua với giá gỗ có chứng chỉ FSC phục vụ chế biến viên gỗ nén (wood pellet) và than gỗ ép khối cung cấp cho thị trường Nhật Bản.

Kênh tiêu thụ tại Sơ đồ 2 cho thấy tính hiệu quả rõ ràng, khối lượng gỗ được bán với giá có chứng chỉ đã tăng lên. Sự tham gia của Công ty An Việt Phát trong giai đoạn 2 của kênh tiêu thụ đã thu mua toàn bộ khối lượng gỗ nhỏ với giá gỗ có chứng chỉ để làm nguyên liệu chế biến gỗ dăm, viên gỗ nén và thân ép khối. Tuy nhiên, quy mô thị trường xuất khẩu sản phẩm gỗ nhỏ, do đó trong giai đoạn 2016 - 2020, diện tích rừng trồng gỗ nguyên liệu có chứng chỉ rừng FSC của kênh tiêu thụ gỗ này chỉ phát triển được khoảng 20.609 ha. Điều này cho thấy, việc phát triển rừng trồng gỗ nguyên liệu có chứng chỉ rừng phụ thuộc nhiều vào thị trường đầu ra của gỗ và sản phẩm gỗ. Tại thời điểm rừng đến tuổi khai thác và chu kỳ đánh giá chứng chỉ rừng kết thúc, nhu cầu bán gỗ có chứng chỉ rừng tăng cao, đặc biệt đối với phương thức kinh doanh rừng trồng áp dụng một chu kỳ đánh giá cấp chứng chỉ rừng của các chủ rừng nhỏ. Việc tiếp tục thực hiện chu kỳ đánh giá cấp chứng chỉ sẽ tạo ra áp lực tài

chính đối với cả 2 phía, doanh nghiệp và các chủ rừng HGD. Do đó, kênh tiêu thụ này cần có sự cải tiến để cơ chế duy trì liên tục chứng chỉ rừng cho nhiều chu kỳ kinh doanh rừng trồng. Từ đó, giải quyết tốt quan hệ cung cầu với mức giá bán gỗ có chứng chỉ rừng theo cơ chế giá của thị trường. Điều này cũng có nghĩa là các mô hình liên kết theo nhóm HGD trồng rừng có chứng chỉ rừng phải được hình thành và phát triển theo cơ chế thị trường. Nhóm HGD trồng rừng phải có tư cách pháp nhân như một tổ chức kinh tế tập thể hay kinh tế hợp tác xã.

### 3.4. Kết quả xây dựng liên kết và tiêu thụ gỗ nguyên liệu có chứng chỉ rừng FSC

Trong giai đoạn 5 năm (2016 - 2020), Tuyên Quang được đánh giá là tỉnh dẫn đầu trong việc tạo lập vùng nguyên liệu có chất lượng cho hoạt động chế biến gỗ phục vụ xuất khẩu. Bảng 2 cho thấy kết quả liên kết trong xây dựng và tiêu thụ GNL có chứng chỉ FSC với tốc độ tăng diện tích rất nhanh ở giai đoạn 2, khi toàn bộ gỗ lớn và gỗ nhỏ được khai thác trên một đơn vị diện tích và thu mua với giá gỗ có chứng chỉ FSC.

**Bảng 2.** Kết quả tạo dựng liên kết hỗ trợ và tiêu thụ GNL có chứng chỉ FSC

Đơn vị liên kết tiêu thụ GNL	Năm 2017		Năm 2018		Năm 2019		Năm 2020	
	DT (ha)	Số hộ	DT (ha)	Số hộ	DT (ha)	Số hộ	DT (ha)	Số hộ
Nhóm hộ do Woodlands tài trợ	959,35	217	3.929,33	1.163	7.078,19	1.619	9.467,10	1.701
Nhóm hộ do An Việt Phát tài trợ	Chưa tham gia hỗ trợ				3.053,90	401	11.141,93	504
<b>Tổng</b>	<b>959,35</b>	<b>217</b>	<b>3.929,33</b>	<b>1.163</b>	<b>10.132,09</b>	<b>2.020</b>	<b>20.609,03</b>	<b>2.205</b>

Nguồn: Chi cục Kiểm lâm Tuyên Quang (2021)

Một thực tế của chu kỳ đánh giá chứng chỉ của vùng nguyên liệu gỗ rừng trồng theo nhóm hộ gia đình được bắt đầu cho những khu rừng 3 - 4 tuổi. Vì vậy, với chu kỳ kinh doanh rừng trồng của hộ gia đình là 7 đến 8 năm, mô hình liên kết chứng chỉ rừng theo nhóm sẽ thực hiện một chu kỳ đánh giá cấp chứng chỉ.

Theo Chi cục Kiểm lâm Tuyên Quang (2021),

trong giai đoạn 2018 - 2020, tổng sản lượng gỗ rừng trồng có chứng chỉ FSC được khai thác từ rừng trồng của HGD bình quân hằng năm khoảng 25.000 m<sup>3</sup>, chiếm xấp xỉ gần 3% tổng lượng gỗ khai thác toàn tỉnh. Đây là sản lượng gỗ được khai thác từ mô hình tiêu thụ gỗ nguyên liệu có sự tham gia của 2 doanh nghiệp được tổng hợp tại bảng 3.

**Bảng 3.** Diện tích và sản lượng gỗ FSC khai thác

Đơn vị liên kết tiêu thụ GNL	Năm 2018		Năm 2019		Năm 2020	
	DT (ha)	SL (m <sup>3</sup> )	DT (ha)	SL (m <sup>3</sup> )	DT (ha)	SL (m <sup>3</sup> )
Nhóm hộ do Công ty Woodlands tài trợ đánh giá cấp chứng chỉ rừng FSC	271,75	25.721	245,44	30.038	176,15	15.093
<b>Tổng</b>	<b>271,75</b>	<b>25.721</b>	<b>245,44</b>	<b>30.038</b>	<b>176,15</b>	<b>15.093</b>

Nguồn: Chi cục Kiểm lâm Tuyên Quang (2021)

Như vậy, diện tích rừng của HGD do Công ty An Việt Phát hỗ trợ đánh giá cấp chứng chỉ chưa đến thời điểm khai thác. Sự tham gia của

công ty trong kênh tiêu thụ được xem là một mắt xích cho ngã rẽ của chuỗi cung gỗ nhỏ có chứng chỉ rừng. Tính đến hết năm 2019, cơ

chế bán gỗ nguyên liệu được khai thác từ rừng có sự chênh lệch giá là 120.000 đ/m<sup>3</sup> đối với trồng của HGD được thực hiện theo cam kết gỗ có FSC và không có FSC.

**Bảng 4.** Hiệu quả thực hiện cam kết của doanh nghiệp đối với gỗ có FSC của HGD

Năm	Sản lượng gỗ FSC (m <sup>3</sup> )	Gỗ bán không FSC		Gỗ bán có FSC		Giá chênh lệch (1.000đ/m <sup>3</sup> )	Tiền chênh lệch (1.000đ)
		SL (m <sup>3</sup> )	Cơ cấu tiêu thụ (%)	SL (m <sup>3</sup> )	Cơ cấu tiêu thụ (%)		
2018	25.721,00			25.721,00	100	120	3.086.520
2019	30.038,06			30.038,06	100	120	3.604.567
2020	15.093,41	6.839,18	45,31	8.254,23	54,69	120	990.508
<b>Tổng</b>	<b>70.852,47</b>	<b>6.839,18</b>		<b>64.013,29</b>			<b>7.681.595</b>

Nguồn: Chi cục Kiểm lâm Tuyên Quang (2021)

Khảo sát cho thấy kết quả bán gỗ nguyên liệu có chứng chỉ rừng tại bảng 4. Tổng sản lượng gỗ khai thác trong 3 năm của mô hình liên kết khoảng 64 nghìn m<sup>3</sup> gỗ có FSC được bán với giá chênh lệch theo cam kết đã giúp tăng lợi ích bằng tiền cho người trồng rừng thêm khoảng 7,68 tỷ đồng. Tuy nhiên, năm 2020 đã có sự biến động trên thị trường sản phẩm gỗ đầu ra, các doanh nghiệp không thực hiện cam kết khi rừng đến tuổi khai thác và chu kỳ chứng chỉ kết thúc. Các nhóm HGD trồng rừng có chứng chỉ rừng đã thực hiện quyền kinh doanh, bằng quyết định bán một lượng lớn (45,3%) gỗ nguyên liệu được bán ra thị trường với giá gỗ không có chứng chỉ FSC. Mặc dù, số tiền chênh lệch mất đi của các HGD là khoảng 0,8 tỷ đồng, nhưng quyết định này của HGD cho thấy chênh lệch về giá và cam kết của doanh nghiệp không là yếu tố quyết định khi nhu cầu thu nhập bằng tiền gia tăng và thời điểm khai thác rừng của hộ gia đình tới hạn. Do đó, cần có một cơ chế tài chính hoặc mô hình kinh doanh của kênh tiêu thụ cần thay đổi về tổ chức để thực hiện duy trì vùng gỗ nguyên liệu có chứng chỉ FSC.

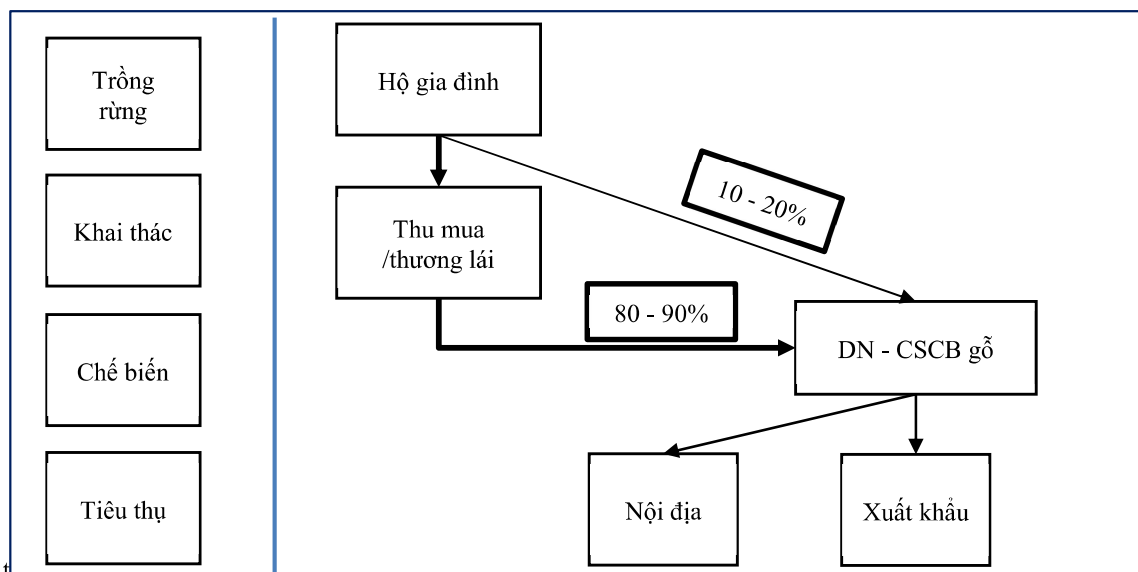
Mặt khác, doanh nghiệp đầu tư toàn bộ chi phí cấp chứng chỉ rừng, chủ thể sở hữu chứng chỉ rừng nên đã tạo vùng nguyên liệu gỗ có chứng

chỉ độc quyền người mua. Doanh nghiệp đã dùng quyền sở hữu chứng chỉ để chi phối thị trường bán gỗ của các HGD, do đó cơ hội thị trường đối với chủ rừng nhỏ là HGD rất hạn chế khi thị trường gỗ nguyên liệu có sự biến động. Đây chính là một trong những lý do mô hình thiếu tính bền vững.

### 3.5. Kênh tiêu thụ gỗ nguyên liệu rừng trồng không có chứng chỉ FSC

Kênh tiêu thụ GNL rừng trồng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang tương đối đa dạng và phong phú, tùy thuộc vào thị trường và dòng sản phẩm. Đặc điểm riêng của các dòng sản phẩm cũng sẽ hình thành nên phương thức sản xuất kinh doanh rừng trồng khác nhau và cách thức đưa gỗ vào chuỗi cung của các chủ thể cũng rất khác nhau.

Tổng nhu cầu gỗ nguyên liệu không có chứng chỉ rừng chủ yếu phục vụ chế biến dăm giấy và ván bóc rất lớn của Nhà máy Giấy An Hòa và 236 hộ kinh doanh cá thể/xưởng xẻ/ván bóc tại Tuyên Quang. Tất cả các cơ sở chế biến gỗ này sử dụng gỗ nguyên liệu không có chứng chỉ FSC đều có yêu cầu không quá cao về chất lượng và quy cách gỗ nguyên liệu, đường kính gỗ nhỏ và rừng trồng có chu kỳ kinh doanh ngắn, khoảng 5 - 7 năm.



Nguồn: Kết quả điều tra 2021

**Sơ đồ 3.** Chuỗi cung và kênh tiêu thụ GNL không có chứng chỉ FSC của HGD

Sơ đồ 3 cho thấy, HGD đang duy trì 02 hình thức tiêu thụ gỗ nguyên liệu không có chứng chỉ FSC. Tuy nhiên, với mức độ phổ biến khác nhau theo kênh tiêu thụ gián tiếp và trực tiếp, bao gồm:

(1) Kênh tiêu thụ gián tiếp và phổ biến: HGD → Thu mua khai thác → CSCB

Kênh tiêu thụ gián tiếp và phổ biến của gỗ rừng trồng không có chứng chỉ FSC của hộ gia đình là hình thức kinh doanh rừng trồng, mà sản phẩm cuối cùng của công đoạn tạo rừng là gỗ cây đứng. Các tác nhân khai thác và thu mua gỗ cây đứng là thương lái gỗ. Họ là những người tìm kiếm, mua bán gỗ cây đứng và kết nối cung và cầu gỗ nguyên liệu. Họ có thể thực hiện sơ chế để đáp ứng mọi yêu cầu sử dụng gỗ với các quy cách gỗ tròn khai thác từ rừng trồng của HGD. Kết quả khảo sát cho thấy, sự duy trì kênh tiêu thụ này bởi một số lý do sau: (1) Phần lớn các HGD không có đủ phương tiện và lao động để tự tổ chức khai thác; (2) Các công đoạn khai thác đều phải thuê lao động, phương tiện khai thác và vận xuất, vận chuyển; (3) Chi phí làm đường vận xuất, vận chuyển lớn, trong khi diện tích rừng

cho một lần khai thác nhỏ, có tới 65% số hộ gia đình có diện tích rừng trồng nhỏ hơn 01 ha, manh mún. Trong khi, các hộ có diện tích lớn thì lại chia làm nhiều mảnh và trồng ở các thời điểm khác nhau; và (4) Các HGD thường trồng rừng với chu kỳ kinh doanh 5 - 7 năm, với mục tiêu kinh doanh gỗ nhỏ, dăm giấy là chủ yếu, tuy nhiên các HGD không trực tiếp bán GNL cho các doanh nghiệp chế biến gỗ Công ty Giấy An Hòa được mà phải qua một đối tượng trung gian...

Trong bối cảnh nguồn cung gỗ nguyên liệu trong nội tỉnh không đủ đáp ứng nhu cầu. Các tác nhân thuộc khâu khai thác - thương mại gỗ nguyên liệu rất năng động kết nối cung cầu, tìm nguồn gỗ cho thị trường tiêu thụ. Hình thức giao dịch không có hợp đồng là rất phổ biến và tiền mua gỗ nguyên liệu cây đứng được trả 100% cho các HGD trước khi thực hiện khai thác. Mọi chi phí khai thác, vận xuất, vận chuyển và thủ tục lưu thông gỗ từ rừng đến nơi tiêu thụ do bên mua, thương lái chi trả. Rất nhiều trường hợp được cho rằng các HGD trồng rừng bị ép giá và giá mua lô rừng cây đứng không đúng với trữ lượng gỗ có thể khai thác được. Tuy nhiên, sự đơn giản



về cách thức giao dịch mua và bán nên phần lớn các HGĐ trồng rừng lựa chọn phương thức này.

Trong khi kênh tiêu thụ GNL có chứng chỉ FSC được thực hiện và giám sát bởi hợp đồng mua bán chặt chẽ, đảm bảo các yêu cầu bằng chứng gỗ có chứng chỉ FSC, đáp ứng yêu cầu gỗ hợp pháp, các bên mua và bán gỗ yên tâm lựa chọn phương thức thanh toán chuyển khoản. Vì vậy, phương thức bán rừng gỗ cây đứng có FSC không thuận tiện so với cách bán rừng truyền thống. Một lần nữa, các tác nhân trong khâu thai khác và thương mại gỗ nguyên liệu lại có vai trò quan trọng kết nối cung cấp gỗ có chứng chỉ FSC. Phương thức tổ chức khai thác - thương mại gỗ có chứng chỉ FSC đều do bên mua, thương lái thực hiện. Đối với các HGĐ, bán rừng gỗ cây đứng có chứng chỉ rừng FSC vẫn là phương thức thích hợp. Điểm khác biệt duy nhất là giá bán rừng gỗ cây đứng được cộng thêm phần chênh lệch như cam kết của doanh nghiệp trong mô hình liên kết nhóm hộ trồng rừng có chứng chỉ. Tuy nhiên, đơn vị chênh lệch giá bán được tính theo đơn vị mét khối gỗ thương phẩm sau khai thác. Do đó, HGĐ trồng rừng bán gỗ cây đứng sẽ không nhận được toàn bộ giá trị phần chênh lệch này.

*(2) Kênh tiêu thụ trực tiếp và không phổ biến: HGĐ → CSCB*

Với hình thức tiêu thụ này, các HGĐ sẽ thực hiện hoạt động khai thác rừng và bán gỗ nguyên liệu cho các doanh nghiệp chế biến gỗ. Đây được xem là phương thức bán gỗ nguyên liệu trực tiếp cho doanh nghiệp, nhưng không phổ biến. Hình thức này chỉ tập trung ở một số hộ có diện tích rừng gần nhau, đồng tuổi và cùng một loại chu kỳ kinh doanh rừng. Những hộ này sẽ tập trung thành một nhóm, tập trung lao động, cùng bỏ vốn để làm đường vận chuyển, thuê xe vận chuyển... để giảm chi phí khai thác, vận xuất, vận chuyển và lợi ích thu được cao hơn. Sự cản trở lớn

nhất đối với các HGĐ là sự không chuyên nghiệp về kỹ năng kết nối cung cầu so với các tác nhân khai thác - thương lái gỗ. Bên cạnh đó, việc thực hiện các thủ tục hành chính theo quy định pháp luật trong khai thác và thương mại gỗ đảm bảo yêu cầu gỗ hợp pháp cũng là một trở ngại đối với các HGĐ tự tổ chức khai thác. Đặc biệt đối với gỗ rừng trồng có chứng chỉ FSC, mức độ khó khăn còn nhiều hơn nhiều hơn khi yêu cầu truy xuất nguồn gốc, kiểm soát, quản lý chuỗi cung, tạo lập, lưu giữ bằng chứng gỗ hợp pháp và gỗ có chứng chỉ FSC rất khó để thực hiện.

Giá gỗ thường chênh lệch khá lớn giữa gỗ nhỏ cho chế biến dăm giấy, là loại gỗ có đường kính nhỏ hơn 10 cm tùy từng địa phương (khoảng 800.000 - 1.000.000 đồng/tán) và gỗ xẻ là loại gỗ có đường kính lớn hơn 10 cm (dao động trong khoảng 1.200.000 - 1.800.000 đồng/m<sup>3</sup>) tùy kích thước gỗ. Vì vậy, việc các HGĐ tự khai thác sẽ phân loại gỗ theo cấp đường kính thành gỗ nhỏ và gỗ lớn để bán sẽ có ý nghĩa trong việc nâng cao thu nhập từ rừng. Tuy nhiên, đối với HGĐ, phương thức bán gỗ này cũng không phổ biến vì lợi ích thu được và chi phí không có sự chênh lệch lớn.

### **3.6. Hiệu quả kinh tế rừng trồng có và không có chứng chỉ rừng FSC**

Có rất nhiều hình thức tổ chức sản xuất và phương án đầu tư trồng rừng khác nhau, phụ thuộc vào điều kiện kinh tế của HGĐ. Sử dụng kết quả khảo sát, nghiên cứu đã lựa chọn phương thức kinh doanh rừng trồng phổ biến đối với các loài cây trồng rừng có chứng chỉ FSC để phân tích và so sánh hiệu quả kinh tế giữa rừng trồng có và không có chứng chỉ FSC. Thông tin đầu vào phân tích hiệu quả kinh tế, gồm: Loài cây trồng rừng; Chu kỳ trồng rừng; Mật độ trồng rừng, làm cơ sở cho việc lựa chọn 3 mô hình kinh doanh rừng trồng: (1) Trồng rừng gỗ nguyên liệu có chứng chỉ FSC, chu kỳ 8 năm và phương thức bán cây đứng; (2) Trồng rừng gỗ nguyên liệu

không có chứng chỉ FSC, chu kỳ 7 năm và phương thức bán cây đứng; và Trồng rừng gỗ nguyên liệu không có chứng chỉ FSC, chu kỳ 7 năm và chủ rừng là HGD tự tổ chức khai thác rừng. Loài cây trồng rừng phổ biến của 3 mô hình lựa chọn là cây keo lai. Tỷ lệ chiết khấu được áp dụng là 7%/năm.

Định mức kinh tế kỹ thuật trồng rừng được tính bình quân để sử dụng làm đầu vào cho phân tích hiệu quả. Đơn giá nhân công và vật tư; giá bán gỗ/cây đứng sử dụng để phân tích hiệu quả là đơn giá năm 2020. Kết quả phân tích hiệu quả kinh tế rừng trồng của HGD tại Tuyên Quang được tổng hợp trong bảng 5.

**Bảng 5.** Kết quả phân tích hiệu quả kinh tế rừng trồng

Loại hình	Tổng chi phí/ha (1.000đ)	Doanh thu thuần/ha (1.000đ)	NPV/ha/chu kỳ (1.000đ)	BCR	IRR (%)	AEV (1.000đ)
Gỗ có chứng chỉ FSC						
Keo lai 8 năm (Bán cây đứng)	36.500	127.500	45.750	2,32	22,71	7.662
Gỗ không có chứng chỉ FSC						
Keo lai 7 năm (Bán cây đứng)	31.500	75.000	20.086	1,67	17,69	3.727
Keo lai 7 năm (Tự khai thác)	59.180	112.700	26.763	1,55	20,40	4.966

*Nguồn: Kết quả điều tra 2021.*

Kết quả phân tích hiệu quả kinh tế cho thấy, phương thức kinh doanh rừng trồng có chứng chỉ FSC cho hiệu quả kinh cao hơn. Các chỉ số NPV; BCR và IRR đều cao hơn phương thức kinh doanh rừng trồng không có chứng chỉ FSC. Đặc biệt, giá trị hiện tại thuần (NPV) của phương thức kinh doanh rừng trồng có chứng chỉ FSC cao hơn 2 lần phương thức trồng rừng không có chứng chỉ, giá trị này bình quân theo năm cũng cao gấp đôi tương ứng. Kết quả này thêm một lần nữa khẳng định rằng, việc tự tổ chức khai thác của chủ rừng là HGD đối với phương thức kinh doanh rừng trồng không có chứng chỉ FSC không mang lại lợi ích lớn hơn trồng rừng có chứng chỉ FSC.

Mặc dù, hiệu quả kinh tế của phương thức trồng rừng có chứng chỉ FSC là rõ ràng, nhưng trên thực tế diện tích trồng rừng có chứng chỉ FSC không được mở rộng tương xứng với lợi ích kinh tế mà nó mang lại. Kết quả khảo sát cho thấy, sự chênh lệch giá trị hiện tại thuần (NPV) là do sự chênh lệch giá bán gỗ theo cam kết của doanh nghiệp trong mô hình liên kết chứng chỉ rừng theo nhóm HGD; Chi phí dịch vụ chứng chỉ rừng do doanh nghiệp chi

trả nên không tính vào chi phí tạo rừng của HGD; và Áp dụng quy trình kỹ thuật trồng rừng có chứng chỉ FSC đã giúp tăng năng suất rừng trồng. Tuy nhiên, khi cam kết bị phá vỡ, chỉ tính riêng năm 2020 đã có đến 45,3% tổng lượng gỗ khai thác từ mô hình liên kết được bán với giá gỗ không có chứng chỉ rừng FSC. Trong trường hợp này, chủ rừng là các HGD giải thích rằng rừng trồng đã đến tuổi khai thác, chu kỳ chứng chỉ FSC đã kết thúc và không có nguồn tài chính hỗ trợ để thực hiện chu kỳ đánh giá cấp chứng chỉ FSC tiếp theo.

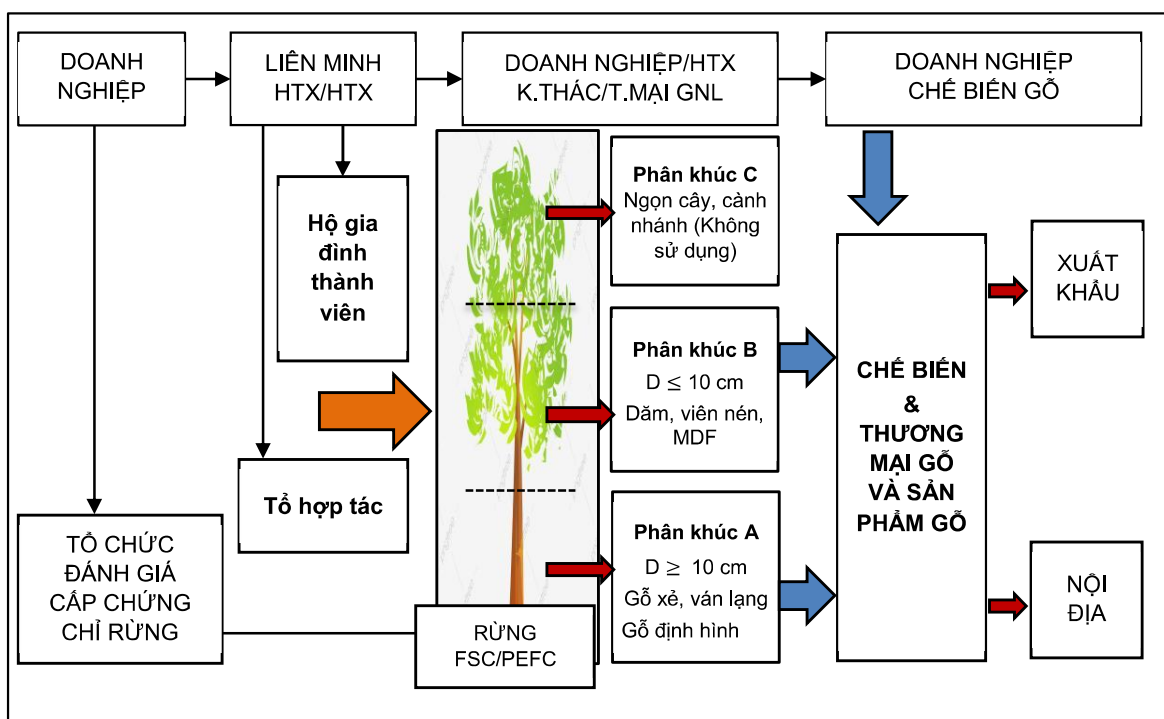
### 3.7. Giải pháp tổ chức kênh tiêu thụ gỗ nguyên liệu rừng trồng HGD tỉnh Tuyên Quang

Nghiên cứu trường hợp tại Tuyên Quang, cho thấy việc bán gỗ cây đứng khi rừng đến tuổi khai thác, chu kỳ chứng chỉ kết thúc, không có nguồn tài chính để hỗ trợ duy trì chu kỳ đánh giá chứng chỉ tiếp theo và doanh nghiệp không thực hiện được cam kết bởi gặp những khó khăn về thị trường, thì quyết định đơn phương của các HGD trồng rừng là phù hợp để thực hiện quyền kinh doanh rừng trồng của họ. Tuy nhiên, mô hình liên kết đã bị phá vỡ. Mặc dù,

vai trò của hệ thống chính quyền địa phương (Sơ đồ 1) là rất quan trọng trong giai đoạn đầu của việc hình thành nhóm HGD trồng rừng có chứng chỉ, nhưng họ không phải là tác nhân chủ đạo cho việc ra quyết định thực hiện phương án kinh doanh của HGD, đặc biệt trong bối cảnh có những biến động về thị trường, giá cả và thực hiện cam kết của các bên gặp trở ngại. Vì vậy, để hoàn thiện mô hình tổ chức kênh tiêu thụ gỗ rừng trồng có chứng chỉ rừng (FSC hoặc PEFC) hiện tại của Tuyên Quang, cần có sự chuyển hóa vai trò

của hệ thống chính quyền sang hình thức kinh tế tập thể hay kinh tế hợp tác xã. Trong đó, hệ thống chính quyền có vai trò định hướng dẫn dắt tổ chức kênh tiêu thụ và tổ chức kinh tế tập thể thực hiện chức năng kinh doanh rừng trồng có chứng chỉ FSC theo nhóm hộ để mang lại lợi ích kinh tế cho các bên và duy trì chứng chỉ rừng.

Mô hình kinh tế hợp tác thông qua các tổ chức kinh tế tập thể là liên minh HTX/HTX để tổ chức kênh tiêu thụ gỗ nguyên liệu rừng trồng có chứng chỉ được đề xuất tại sơ đồ 4.



Sơ đồ 4. Mô hình kinh tế tập thể tổ chức kênh tiêu thụ gỗ có chứng chỉ rừng FSC

Đây là một giải pháp tổ chức toàn diện cho kênh tiêu thụ gỗ nguyên liệu có chứng chỉ rừng, từ khâu tạo rừng đến chế biến và thương mại sản phẩm gỗ có chứng chỉ rừng, đồng thời ứng dụng công nghệ thông tin trong truy xuất nguồn gốc và bảo đảm gỗ hợp pháp/gỗ có chứng chỉ rừng. Các bước thực hiện hoàn thiện mô hình tiêu thụ gỗ nguyên liệu có chứng chỉ rừng. Trong đó, doanh nghiệp là tác nhân, đồng thời cũng là nhân tố dẫn dắt để hình thành kênh tiêu thụ gỗ có chứng chỉ FSC bền

vững. Doanh nghiệp cần tham gia ở hai khâu công đoạn: (1) Khâu tạo rừng có chứng chỉ FSC; (2) Thu mua gỗ nguyên liệu có chứng chỉ FSC, bao gồm gỗ lớn cho chế biến đồ mộc và gỗ nhỏ chế biến dăm, viên gỗ nén và than gỗ ép khối. Tuy nhiên, kinh tế tập thể hay HTX là nhân tố nòng cốt để quản lý nhóm và hỗ trợ các chủ rừng là HGD thực hiện phương án kinh doanh rừng trồng hiệu quả, đồng thời duy trì mô hình liên với các doanh nghiệp chế biến gỗ.

Các bước hoàn thiện kênh tiêu thụ gỗ rừng trồng có chứng chỉ rừng theo nhóm HGD được đề xuất, như sau :

*Bước 1:* Thành lập nhóm HGD hoặc tổ hợp tác (THT) thành viên có sở hữu rừng trồng làm nòng cốt thành lập các HTX hoặc liên minh HTX có tư cách pháp nhân, con dấu, tài khoản riêng, quản lý và hạch toán sản xuất, kinh doanh rừng trồng thuộc sở hữu chung và riêng của HGD/THT thành viên, chủ động xây dựng cơ chế huy động tài chính từ các đối tác kinh tế là các doanh nghiệp chế biến gỗ, thực hiện liên kết xây dựng vùng gỗ nguyên liệu theo tiêu chuẩn quản lý rừng bền vững và chứng chỉ rừng.

*Bước 2:* Liên minh HTX/HTX thực hiện quản lý nhóm, duy trì liên kết giữa các HGD có rừng trồng, vận động các HGD có đất lâm nghiệp tham gia, cùng với các doanh nghiệp trong liên kết tìm kiếm đối tác là các tổ chức đánh giá cấp chứng chỉ để thực hiện chứng chỉ rừng.

*Bước 3:* Liên kết với doanh nghiệp hoặc thành lập các HTX/THT có chức năng khai thác rừng và thương mại GNL để thực hiện khai thác rừng trồng có chứng chỉ rừng của các HGD/THT thành viên HTX.

*Bước 4:* Duy trì liên kết với các doanh nghiệp tham gia xây dựng vùng gỗ nguyên liệu có chứng chỉ rừng hoặc tìm kiếm các đối tác mới để thu mua tất cả các loại gỗ có chứng chỉ rừng, thực hiện các thỏa thuận, cam kết, đảm bảo hài hòa lợi ích giữa các bên liên kết.

*Bước 5:* Tạo lập và ứng dụng công nghệ thông tin số hóa hồ sơ và bằng chứng nguồn gốc hợp pháp của các thành viên HTX hoặc liên minh HTX, đảm bảo tuân thủ yêu cầu về hợp pháp và gỗ có chứng chỉ rừng theo quy định của pháp luật.

#### IV. KẾT LUẬN

Hiệu quả kinh tế kinh doanh rừng trồng có chứng chỉ cao hơn rừng trồng không có chứng chỉ, giá trị hiện tại thuần (NPV) luôn gấp hơn 2 lần.

Kênh tiêu thụ gỗ rừng trồng có chứng chỉ được phát triển trong 2 giai đoạn tại địa bàn nghiên cứu. Kết quả này đã giảm lượng gỗ nhỏ được bán ra thị trường với giá gỗ không có chứng chỉ rừng.

Giá gỗ nguyên liệu có chứng chỉ rừng phụ thuộc rất nhiều thị trường tiêu thụ. Một lượng lớn (45,3%) sản lượng gỗ nguyên liệu được khai thác năm 2020 đã bán ra thị trường với giá gỗ không có chứng chỉ rừng đã ảnh hưởng đến lợi ích của các bên trong mô hình liên kết, dẫn đến phá vỡ mô hình.

Sự tham gia điều hành và định hướng của hệ thống chính quyền địa phương từ cấp huyện đến cấp xã và cấp thôn là nhân tố khởi đầu rất quan trọng để xây dựng vùng nguyên liệu gỗ rừng trồng đáp ứng các tiêu chuẩn quản lý rừng bền vững và chứng chỉ rừng. Tuy nhiên, cần có sự dịch chuyển/chuyển giao chức năng hỗ trợ của hệ thống chính quyền địa phương cho các tổ chức kinh tế tập thể bằng việc thành lập các hợp tác xã hoặc tổ hợp tác để quản lý nhóm và hỗ trợ các HGD thành viên tổ chức kinh doanh rừng trồng có chứng chỉ FSC nhằm mang lại lợi ích kinh tế cho các bên liên quan và duy trì chứng chỉ rừng liên tục qua các chu kỳ kinh doanh rừng trồng.

Mô hình kinh tế hợp tác trong tổ chức kênh tiêu thụ gỗ nguyên liệu rừng trồng có chứng chỉ là một giải pháp tổ chức toàn diện, từ khâu tạo rừng đến chế biến và thương mại sản phẩm gỗ có chứng chỉ rừng, đồng thời ứng dụng công nghệ thông tin trong truy xuất nguồn gốc và bảo đảm gỗ hợp pháp/gỗ có chứng chỉ rừng.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ NN&PTNT, 2019. Báo cáo tổng quan ngành công nghiệp chế biến gỗ và lâm sản xuất khẩu.
2. Bộ NN&PTNT, 2021. Quyết định 1558/QĐ-BNN-TCLN ngày 13 tháng 4 năm 2021 của Bộ NN&PTNT về việc Công bố hiện trạng rừng toàn quốc năm 2020.
3. Quốc hội, 2017. Luật số 16/2017/QH14 ngày 15/11/2017 về Luật Lâm nghiệp.
4. Thủ tướng Chính phủ, 2007. Quyết định số 18/2007/QĐ-TTg ngày 05/02/2007 phê duyệt Chiến lược phát triển lâm nghiệp Việt Nam giai đoạn 2006 - 2020.
5. UBND tỉnh Tuyên Quang, 2021. Quyết định 461/QĐ-UBND ngày 09/8/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt Đề án phát triển lâm nghiệp bền vững tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2021 - 2030.
6. UBND tỉnh Tuyên Quang, 2021. Quyết định 73/QĐ-UBND ngày 26 tháng 2 năm 2021 của UBND tỉnh Tuyên Quang về việc Công bố hiện trạng rừng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang năm 2020.
7. UBND tỉnh Tuyên Quang, 2016. Quyết định 558/QĐ-UBND ngày 29/4/2016 của UBND tỉnh Tuyên Quang về phê duyệt kết quả kiểm kê rừng tỉnh Tuyên Quang.
8. Ủy ban dân tộc, 2009. Một số thông tin cơ bản tỉnh Tuyên Quang. Truy cập ngày 15/10/2021. tại <http://web.cema.gov.vn/modules.php?name=Content&op=details&mid=7792>.

**Email tác giả liên hệ:** hlson2000fsiv@gmail.com

**Ngày nhận bài:** 10/04/2022

**Ngày phản biện đánh giá và sửa chữa:** 20/04/2022

**Ngày duyệt đăng:** 28/04/2022